

## Kỳ thị Trong Hệ Thống Ở Hoa Kỳ

Bùi Ngọc Hoàn

### Tóm Lược

*Bắt nguồn từ di sản của chế độ nô lệ và thành kiến chủng tộc, kỳ thị chủng tộc trong hệ thống là một thực tế ở Hoa Kỳ. Khác với chủng tộc công khai và hợp pháp trước thập kỷ 1960s, kỳ thị chủng tộc trong hệ thống khá tinh tế và nằm sâu trong việc thực thi luật pháp bề ngoài có vẻ trung lập, việc vận hành các định chế xã hội lâu đời cũng như sự thất bại hay thờ ơ của chính quyền trong việc bảo vệ các nạn nhân của kỳ thị chủng tộc khiến cho một thành phần dân chúng vì lý do chủng/sắc tộc bị thiệt thòi. Ở Hoa Kỳ, kỳ thị chủng tộc trong hệ thống tạo ra bất bình đẳng hay khác biệt chủng tộc trong sở hữu nhà cửa, giáo dục, việc làm, lương bổng, tài sản cũng như pháp lý. So với người da trắng, người da màu, nhất là người da đen, có tỷ lệ sở hữu nhà và trình độ học vấn thấp hơn, thường làm trong các ngành nghề trả lương ít hơn, nhận mức lương thấp hơn với cùng trình độ và có tài sản trị giá kém hơn, nhưng có tỷ lệ bị bắt giữ vì tình nghi phạm tội và bị kết án cao hơn cũng như chịu hình phạt tù nặng nề hơn. Các hậu quả tiêu cực của kỳ thị trong hệ thống không chỉ giới hạn trong từng lãnh vực riêng rẽ mà còn gây ra các hậu quả giãy chuyền đến các lãnh vực khác. Vì không công khai nên khó được nhận biết, kỳ thị trong hệ thống ở Hoa Kỳ đã tiếp diễn qua nhiều thế hệ khiến các cộng đồng người da màu, nhất là người da đen và sau là người gốc Latin, không có cơ hội phát triển đồng đều với người da trắng.*

Sau cái chết của George Floyd và những cuộc biểu tình nổ ra trên khắp nước Mỹ cũng như vài thành phố lớn ở nhiều nước trên

thế giới, cụm từ “kỳ thị chủng tộc trong hệ thống” (systemic racism) thường xuyên xuất hiện trên truyền thông để chỉ tình trạng người da màu (people of color), đặc biệt là người da đen (Blacks) ở Mỹ bị phân biệt đối xử. Đối với nhiều người, trong đó có khá đông người Việt, việc dùng cụm từ này là điều khó hiểu, hay vô lý. Chế độ nô lệ (slavery) đã bị bãi bỏ gần 200 năm; chế độ phân biệt chủng tộc (racial segregation) cũng đã bị chính thức bãi bỏ cách nay hơn nửa thế kỷ (từ 1950s-1960s), và không có bất cứ một văn bản pháp luật nào từ trung ương cho tới địa phương qui định việc đối xử khác biệt với bất kỳ một nhóm chủng tộc hay sắc tộc nào. Vậy làm sao lại có “kỳ thị chủng tộc trong hệ thống” (systemic racism) trong thế kỷ 21th ở Hoa Kỳ?

### Sơ Lược Về Kỳ Thị Chủng Tộc ở Hoa Kỳ Qua Lịch Sử

Quan điểm kỳ thị chủng tộc (racism) là niềm tin cho rằng chủng tộc là yếu tố quyết định cá tính và khả năng con người, và sự khác biệt về chủng tộc tạo ra sự ưu việt sẵn có của một chủng tộc nhất định.[1] Kỳ thị chủng tộc (racial discrimination) là hành động hay cử chỉ/hành vi nhằm không cho hay từ chối các thành viên của một nhóm chủng tộc được tiếp cận một cách bình đẳng các quyền lợi (rights) cơ hội (opportunities) hay các đặc quyền (privilege) vì lý do thành kiến hay các lý do tùy tiện khác. [2]

Ở mảnh đất sau này trở thành Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, kỳ thị chủng tộc xuất hiện khi thực dân Anh mang những người họ mua được hay bắt được ở Châu Phi đến Mỹ (America) để lao động trong các đồn điền với mục đích kinh tế. Thomas Jefferson đã từng phỏng đoán rằng người da đen (Blacks) thấp kém (inferior) hơn người da trắng (Whites) về phương diện lý luận (reason), óc tưởng tượng (imagination) và tình cảm. [3] Trong lúc Jefferson cho rằng sự thấp kém do cảm nhận chỉ có nghĩa người da đen có thể thuộc một chi (genus) khác của loài người, nhiều tác giả, đặc biệt là những nhà khảo cứu về sọ người (craniometrists) lúc bấy giờ lập luận rằng người da đen thuộc vào một loài (species) khác biệt vì có bộ óc nhỏ hơn óc của người da trắng.

Những lập luận này được dùng để duy trì chế độ nô lệ vì người da đen bị coi là không có khả năng học tập nên không thể bỏ phiếu bầu chọn một cách thông minh, không thể đóng góp cho nền kinh tế thị trường, không thể sống độc lập như người tự do (free men). Vì bị xem là một chủng loại khác biệt và thấp kém, nô lệ người da đen không được đối xử bình đẳng với người da trắng.

Sau khi chế độ nô lệ bị bãi bỏ bằng Tu Chính Án Mười Ba (Thirteenth Amendment) năm 1865, sự kỳ thị người da đen vẫn tiếp diễn. Các tiểu bang ở miền Nam Hoa Kỳ, vốn được hưởng rất nhiều lợi ích kinh tế từ chế độ nô lệ, nhanh chóng thiết lập hệ thống luật pháp Jim Crow (Jim Crow Laws) và đặt ra các luật cho người da đen (Black codes) để công khai đối xử khác biệt với họ. Black Codes bao gồm luật tiểu bang và địa phương qui định những chi tiết về khi nào và nơi nào người da đen được phép làm việc, cũng như sinh sống. Black codes là phương tiện pháp lý để đặt công dân da đen vào tình trạng làm tôi tớ có giao kèo (indentured servitude) nhằm tước đoạt quyền bầu cử của họ, kiểm soát nơi họ sinh sống và việc di chuyển của họ, cũng như việc nắm giữ con cái của họ cho mục tiêu kinh tế. [4] Mặc dù luật Jim Crow xuất phát từ những tiểu bang miền Nam, nhiều tiểu bang miền Bắc cũng thiết lập luật Jim Crow với các giới hạn khác nhau. Một số tiểu bang qui định người da đen phải có tài sản mới được đi bầu; tạo ngăn cách về nhà ở và trường học (residential and school segregations), và nhiều cơ sở thương mại treo bảng “chỉ phục vụ người da trắng” (“Whites Only”). [5]

Luật Jim Crow và Black Codes đã tạo ra chế độ phân biệt chủng tộc hợp pháp (legal racial segregation). Trong phán quyết *Plessy v. Ferguson – 1896*, Tối Cao Pháp Viện (TCPV) Hoa Kỳ tuyên bố luật phân cách chủng tộc bởi các cơ sở và dịch vụ công cộng là hợp hiến nếu các chỗ phân cách có cùng phẩm chất (separate but equal). [6] Phán quyết của TCPV Hoa Kỳ chính thức hợp pháp hóa chế độ phân biệt chủng tộc ở Hoa Kỳ vốn kéo dài gần 100 năm.

Năm 1954, TCPV Hoa Kỳ tuyên bố phân biệt chủng tộc trong giáo dục là bất hợp hiến, chính thức chấm dứt quan điểm “separate but equal” trong giáo dục. [7] Mười năm sau, Tổng thống Lyndon Johnson ký luật Civil Rights Act 1964 để chấm dứt tình trạng phân biệt chủng tộc do luật Jim Crow thể chế hóa (institutionalized). Năm sau, Luật Voting Rights Act 1965 ra đời để hoá giải các nỗ lực ngăn cản người da đen bỏ phiếu, và Luật Fair Housing Act 1968 được ban hành để chấm dứt kỳ thị chủng tộc trong việc thuê và mua bán nhà cửa.

Nhiều luật đã ra đời để chống kỳ thị chủng tộc, nhưng kỳ thị chủng tộc vẫn tồn tại với nhiều hình thức (dạng) khác nhau. Các nhà khoa học xã hội phân biệt bốn hình thức kỳ thị:

- Kỳ thị bởi cá nhân (individual discrimination/racism) là những hành vi kỳ thị bởi tư nhân, các cơ sở thương mại, hay bởi một số viên chức chính quyền.
- Kỳ thị trực tiếp bằng định chế (direct institutional discrimination/racism) xảy ra khi luật pháp, các định chế xã hội (social institutions), hay phong tục, tập quán qui định việc đối xử khác biệt cho các nhóm chủng/sắc tộc khác nhau. Thí dụ, trong thời kỳ phân biệt chủng tộc (racial segregation), các tiểu bang miền Nam và một số ít tiểu bang miền Bắc đã làm luật Jim Crow để phân biệt đối xử với những người da đen và những người trước đây từng là nô lệ.
- Kỳ thị trong hệ thống (institutional discrimination/racism) xảy ra khi những định chế xã hội, luật lệ, tổ chức hoặc cách vận hành xã hội, **dù không có ý định hay mang tính kỳ thị**, đã tạo ra kết quả khác biệt cho các nhóm chủng/sắc tộc khiến thành viên một số nhóm phải chịu các hậu quả thiệt thòi.
- Kỳ thị toàn diện (total discrimination) là sự tổng hợp của hai yếu tố: tình trạng kỳ thị xảy ra trong hiện tại và hậu quả của kỳ thị xảy ra trong quá khứ. [8]

Hiện nay ba cụm từ “systemic discrimination/racism” “institutional discrimination/racism,” và “structural discrimination/racism” đều được dùng tương đương để chỉ “kỳ thị trong hệ thống.”

### **Kỳ Thị Chủng Tộc Trong Hệ Thống: Hiện Tượng và Hậu Quả**

Cụm từ “institutional racism” (kỳ thị chủng tộc trong hệ thống) được Stokeley Carmichael và Charles Hamilton nêu ra đầu tiên trong cuốn sách *Black Power: The Politics of Liberation* xuất bản năm 1967. [9] Theo Carmichael và Hamilton, kỳ thị trong hệ thống xảy ra không phải do cố ý bằng các luật lệ, chính sách hay cá nhân mang tính kỳ thị, nhưng cách điều hành cơ cấu tổ chức xã hội (social structure) hay các định chế xã hội (social institutions) đã tạo ra nhiều thách thức cho một số thành phần dân chúng trong việc tham gia các sinh hoạt xã hội. Tại Hoa Kỳ, kỳ thị chủng tộc trong hệ thống đã mang lại những hậu quả tiêu cực cho một thành phần thiểu số,

đặc biệt là người da đen, về gia cư, tài sản, công việc, lợi tức cũng như liên hệ tới hình sự tư pháp.

### **Bất Bình Đẳng Về Gia Cư**

An toàn gia cư có thể coi là yếu tố quan trọng nhất trong cuộc sống của con người. Người Việt Nam có câu: An cư lạc nghiệp. Điều này cũng đúng với đời sống ở Hoa Kỳ nơi chỗ ở có ảnh hưởng đến phẩm chất và thành quả giáo dục, công ăn việc làm, sức khỏe, cũng như an toàn về pháp lý. Chênh lệch chủng tộc (racial disparities) về sở hữu nhà ở là một thực tế ở Hoa Kỳ. Hiện nay, khoảng 3/4 các gia đình người da trắng hay 73.1% so với 46.6% người gốc Latin và 40.6% người da đen sở hữu nhà ở. [10] Một số chính sách về gia cư của chính quyền liên bang ở Hoa Kỳ từ thập kỷ 1930s, mặc dù không công khai mang tính kỳ thị chủng tộc, đã tạo ra sự bất bình đẳng về gia cư mà nạn nhân trước tiên là người Mỹ da đen cùng thành viên của các nhóm chủng/sắc tộc khác.

Sau thời kỳ đại khủng hoảng (Great Depression) chính phủ liên bang ở Hoa Kỳ cho thành lập Home Owners' Loan Corporation (HOLC) năm 1933 và Federal Housing Administration (FHA) năm 1934 như một phần của chủ trương New Deal để gia tăng quyền sở hữu nhà cho người dân bằng cách đứng ra bảo trợ các món tiền vay để mua nhà, hay giúp chủ nhà tránh bị mất nhà bằng cách tái tài trợ các món tiền mua nhà còn thiếu ngân hàng. Trong việc thực hiện, sự giúp đỡ từ liên bang để sở hữu nhà đã nhắm vào người da trắng và loại trừ người da đen cùng thành viên các nhóm da màu khác một cách có hệ thống (systematic). Đặc biệt, HOLC đã lập ra đường lối phân vùng (redlining) như một cách để đánh giá chất lượng các khu dân cư dựa theo thành phần chủng tộc và sắc tộc của cư dân. [11] Những khu vực có nhiều người da màu sinh sống thường bị đánh giá thấp và bị cho là có quá nhiều rủi ro đến nỗi không thể nhận được sự tài trợ tài chánh của chính phủ để mua nhà. Các khoản tiền đầu tư do chính phủ tài trợ bị liên tục đẩy ra khỏi những khu vực này, khiến những khu vực này không thể phát triển về kinh tế và xã hội. [12]

Sau đó, Luật Housing Act 1937 được ban hành để thiết lập cơ quan Public Work Administration (PWA), Housing Division để xây dựng các khu nhà tập thể công (public housing) cho người nghèo, đồng thời xoá bỏ các khu nhà tồi tàn (slum areas) để phát triển thành phố. Khi ra đời, Housing Act gặp nhiều chống đối, đặc biệt là từ từ Hiệp Hội Địa Ốc Quốc Gia (National Association of Real Estate

Boards) [13] Để nhượng bộ những chống đối từ công chúng và tránh can thiệp vào thị trường nhà tư nhân, PWA thiết lập qui định “xoá bỏ tương đương” (Equivalent Elimination Rule), nghĩa là chỉ xây thêm những đơn vị gia cư mới để thay thế những căn nhà mục nát thiếu tiêu chuẩn. Đồng thời, PWA còn đưa ra qui định Neighborhood Composition Rule, đòi hỏi các khu nhà tập thể công không được thay đổi đặc tính chủng sắc tộc của các khu vực lân cận. [14] Kết quả là đại đa số các khu nhà tập thể công được thiết lập ở trong nội thành (inner cities) [15] để thay thế các khu nhà lụp xụp, ổ chuột cũ. [16]

Trong thời hậu chiến, khi nhu cầu về nhà ở gia tăng, Federal Housing Administration và Bộ Cựu Chiến Binh đã triệt để áp dụng hệ thống đánh giá tín dụng theo phân vùng (redlining) của Home Owners' Loan Corporation, từ chối tín dụng đối với người da màu, chỉ cấp tín dụng cho người da trắng, đồng thời hướng họ di chuyển ra vùng ngoại ô (suburbs), cách xa khu vực nội thành nơi nhiều người da màu sinh sống. [17] Tình trạng người da trắng chạy khỏi các khu đô thị để ra ngoại ô (white flight) còn được hỗ trợ bởi các khối đầu tư to lớn từ chính quyền liên bang để xây dựng xa lộ, vốn từng được coi là kế hoạch nhằm cố ý tạo ra các ngăn cách về chủng tộc giữa các khu vực của người da trắng và các khu vực có đông người da màu sinh sống. [18] Trong khi đó, luật Housing Act năm 1949 (renewed) qui định nhà tập thể công (public housing projects) chỉ dành cho những người thật nghèo. Kết quả là các chính sách cũng như luật lệ về gia cư và phát triển từ thập niên 1930s cho đến thời hậu chiến đã thiết lập một tình trạng phân cách chủng tộc trong thực tế (de-facto racial segregation) khi những người nghèo da màu, phần đông là da đen, bị cô lập trong những khu vực nội thành nghèo khó (inner-city area), cách biệt hẳn với xã hội dòng chính.

Đến năm 1968, luật Fair Housing Act ra đời với mục đích sửa các sai trái do các luật và chính sách gia cư mà khi áp dụng đã gây thiệt thòi cho người da màu và tạo ra các cộng đồng tách biệt về chủng tộc khắp nước Mỹ. Luật Fair Housing Act cấm kỳ thị trong việc mua bán hay thuê mượn nhà ở và đòi hỏi các cơ quan liên bang có các phương cách quản lý các chương trình gia cư cũng như phát triển cộng đồng nhằm thực hiện mục đích công bằng gia cư của đạo luật. Luật Fair Housing Act trao cho bộ trưởng Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị (Department of Housing and Urban Development, HUD) quyền thi hành các điều khoản cấm kỳ thị và đòi hỏi bộ trưởng bảo đảm việc tuân thủ các mệnh lệnh của đạo luật. Ngoài ra, luật

Fair Housing Act qui định về các hành động thực thi luật do Bộ Tư Pháp nêu ra và cho phép nạn nhân của kỳ thị được kiện về dân sự ở toà án liên bang. [19] Tuy nhiên, luật Fair Housing Act 1968 vẫn thiếu các điều khoản thực thi quan trọng. Luật không qui định hình phạt dân sự (civil penalties) và Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị không có thẩm quyền ngưng hay chống để tạm thời đưa các đơn vị gia cư ra khỏi thị trường trong thời gian hoà giải. [20] Trong vòng 20 năm sau khi luật Fair Housing Act ra đời, Bộ Phát Triển Gia Cư và Bộ Tư Pháp không có khả năng tìm kiếm hỗ trợ cho các nạn nhân của kỳ thị về gia cư, một phần vì thiếu sự hỗ trợ về chính trị, nhân lực cũng như tài lực. [21]

Để chấn chỉnh những thiếu sót, luật Fair Housing Act được tu chính nhiều lần vào những năm 1988 và 2013 cùng với các qui định cụ thể và rõ ràng hơn về việc thi hành điều khoản cấm kỳ thị được ban hành năm 2015. Tuy nhiên, giữa năm 2020 chính quyền Donald Trump đã huỷ bỏ các qui định về việc thi hành các điều khoản chống kỳ thị do chính quyền Obama thiết lập. [22]

Mặc dù có chút tiến bộ trong thời gian gần đây, tình trạng phân cách và kỳ thị về gia cư (residential segregation and discrimination) vẫn còn trầm trọng. Cho đến thập niên 1960s, tình trạng phân cách chủng tộc về gia cư rất phổ biến ở các khu vực đô thị (metropolitan areas). Vào lúc luật Fair Housing Act ra đời, khoảng 50 phần trăm người da đen sống trong 40 khu vực được coi là phân cách cao độ (hypersegregation). Sau bốn thập niên, tổng số khu vực phân cách cao độ giảm xuống một nửa, nhưng mức độ phân cách không thay đổi nhiều. [23] Nói chung người da đen thường sống trong các khu vực có mức độ phân cách cao với chỉ số phân cách 60%-70% (0% là hoàn toàn hoà nhập, 100% phần trăm là hoàn toàn cách biệt). [24]

Tình trạng phân cách về gia cư xảy ra một phần là do kỳ thị trong việc thuê mượn nhà cửa cũng như trong việc mua bán bất động sản và cung cấp tín dụng để mua bất động sản. Các nghiên cứu trong thập niên 1990s cho thấy từ 53% đến 77% người da đen gặp kỳ thị khi đi thuê nhà, trong khi tỷ lệ người gốc Latin gặp kỳ thị ít hơn một chút. [25] Người da màu, và nhất là người da đen, còn bị kỳ thị bởi các đại lý mua bán bất động sản, ngân hàng, và các công ty bảo hiểm. Nghiên cứu cho thấy 33% đến 55% người da đen bị những đại lý mua bán bất động sản kỳ thị, nhất là khi họ muốn mua nhà ở vùng ngoại ô nơi đa số người da trắng cư ngụ. [26]

Hơn hai chục năm sau khi các cơ quan liên bang tạo ra tình trạng kỳ thi trong tín dụng địa ốc, luật Civil Rights Act and the Equal Credit Opportunity Act ra đời năm 1968 để cấm kỳ thi trong tín dụng bất động sản. Trong thực tế, kỳ thi vẫn tiếp diễn. Người da đen thường có tỷ lệ đơn yêu cầu thế chấp để vay tiền mua nhà bị từ chối cao gấp hơn hai lần người da trắng. [27] Một nghiên cứu của Ngân Hàng Dự Trữ Liên Bang trong thập kỷ 1990s cho thấy trong số hơn 6 triệu trường hợp xin thế chấp với ngân hàng, 34% người da đen bị từ chối so với 14% người da trắng. [28] Các cơ sở thương mại về bảo hiểm địa ốc cũng tạo ra các cản trở cho người Mỹ da đen và gốc Latin. Những nhóm này thường bị kỳ thi về phí bảo hiểm cũng như các khoản được bảo hiểm, và tỷ lệ những người bị kỳ thi có thể từ 30% (Memphis) đến 80% (Chicago). [29] Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị ước lượng có khoảng từ 2 đến 10 triệu trường hợp kỳ thi về gia cư mỗi năm ở Hoa Kỳ, nạn nhân thường là người da đen và các người da màu khác. [30]

### **Bất Bình Đẳng Trong Giáo Dục**

Tình trạng phân cách gia cư (residential segregation), chính sách phân vùng trường học (school zoning) và chính sách tài trợ giáo dục phổ thông, dù không cố ý kỳ thị người da màu, đã tạo ra tình trạng phân cách chủng tộc trong giáo dục ở Hoa Kỳ và bất bình đẳng về vốn cá nhân (human capital). Mặc dù các chương trình chọn trường (school choice) đã trở nên khá phổ biến trong thời gian gần đây, chính sách phân vùng trường học khiến phần lớn trẻ em ở Hoa Kỳ vẫn theo học tại các trường trong khu vực họ sinh sống. Phân cách gia cư đưa đến kết quả là đa số trẻ em da màu (2/3), vốn thường sống trong các khu vực có đông người da màu và có lợi tức thấp, theo học tại các trường có tỷ lệ học sinh da màu cao, có khi lên tới 90%, tạo ra tình trạng phân cách trường học trong thực tế (de facto school segregation). [31]

Trong khi đó, chính sách tài trợ giáo dục phổ thông đã đóng góp vào việc tạo ra tình trạng bất bình đẳng giáo dục. Chi phí giáo dục phổ thông ở Hoa Kỳ được tài trợ bởi ba cấp chính quyền. Chính quyền liên bang cung cấp khoảng 8%, tiểu bang khoảng 47% và địa phương khoảng 45%. [32] Tài trợ từ địa phương phần lớn lấy từ thuế bất động sản. Vì đa số người da màu sống trong các khu vực nghèo khó, giá trị bất động sản thấp, nên nguồn tài trợ cho giáo dục từ địa phương luôn luôn thấp hơn so với các khu vực khá giả, nơi có nhiều người da trắng sinh sống và là nơi bất động sản có trị giá cao hơn.



Phần tài trợ giáo dục từ tiểu bang không phải luôn luôn đồng đều cho các khu học chính (school districts) trong tiểu bang. Chỉ có khoảng 10 tiểu bang chi nhiều hơn cho các khu học chính nghèo, nhưng có đến 23 tiểu bang tài trợ nhiều hơn cho các khu học chính khá giả (wealthy) và ít hơn cho các khu nghèo khó. Thí dụ, tiểu bang Pennsylvania tài trợ 32% ít hơn cho các khu học chính rất nghèo khó. [33]

Tuy nhiên, những con số về tài trợ từ liên bang, tiểu bang và địa phương không phản ánh toàn diện sự cách biệt về tài trợ giáo dục, và con số chỉ tiêu trung bình cho mỗi học sinh không luôn luôn thể hiện đầy đủ tình trạng bất bình đẳng về kinh phí và nhân sự. Nhiều khu học chính không tính lương giáo viên khi thành lập ngân sách và tường trình chi tiêu của trường, và những trường nghèo nhất thường có những giáo viên thiếu kinh nghiệm vốn thường được trả lương thấp hơn. [34]

Các nguồn tài trợ không chính thức từ những tổ chức tình nguyện cũng đóng góp vào việc làm gia tăng bất bình đẳng chủng tộc về giáo dục. Đó là các khoản tiền hiến tặng do các hội Giáo Chức và Phụ Huynh (Parent and Teacher Association, PTA) gây quỹ. Trên nguyên tắc, trường học nào cũng có hội PTA, nhưng chỉ trong những khu vực khá giả, phụ huynh mới có khả năng tình nguyện đóng góp. Và chỉ trong những khu vực khá giả mới có các cơ sở thương mại hay kỹ nghệ phát triển để sẵn sàng hiến tặng. [35]

Các trường gây được nhiều quỹ do hiến tặng đã chi tiêu hàng ngàn đô la cho mỗi học sinh để cung cấp chương trình tốt hơn, như tổ chức các chuyến đi thực địa (field trips), mua máy điện toán mới, thuê mướn các giáo viên âm nhạc và nghệ thuật, hay mua các giáo cụ (school supplies) để gia tăng hiệu quả giảng dạy và học tập. [36]

Tài trợ giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến mức thành đạt (achievement) của học sinh. Các cuộc nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến mức thành đạt tốt của học sinh bao gồm trường nhỏ và ít học sinh, nơi chúng được biết đến nhiều hơn, lớp học có sĩ số học sinh thấp, và được giảng dạy với một giáo trình đầy thách thức với các giáo viên có phẩm chất cao. [37]

Tuy nhiên, chính sách phân vùng trường học và tài trợ giáo dục đã khiến cho học sinh ở những khu vực lợi tức thấp ở trong hoàn cảnh thua thiệt về giáo dục. Hai phần ba học sinh da màu hiện đang theo học ở các trường trong khu vực lợi tức thấp ở nội thành và các khu đô thị (urban areas), vốn được tài trợ thấp hơn nhiều so với các

trường ở khu vực ngoại ô (suburban areas). Phần lớn những trường trong các khu vực lợi tức thấp, nơi đa số trẻ em da màu theo học, có đông học sinh và có sĩ số học sinh từng lớp cao hơn so với những trường ở các khu vực khá giả. Học sinh ở những khu vực có lợi tức rất thấp thường ít được cung cấp các dịch vụ giáo dục cơ bản nhằm gia tăng kết quả học tập, như chương trình giáo dục thời thơ ấu (childhood education) hay giáo trình chính xác và nghiêm ngặt. Ở những trường này, tài liệu học tập và giảng dạy thường kém phẩm chất, thiếu dụng cụ giảng dạy (không có phòng thí nghiệm và máy vi tính hữu dụng), và giáo viên có trình độ thấp hơn nhiều về trình độ học vấn, chứng chỉ và đào tạo trong lĩnh vực họ giảng dạy. Nhiều trường phục vụ học sinh da màu và học sinh thuộc thành phần lợi tức thấp không cung cấp các lớp về toán và khoa học cần thiết để theo học đại học. [38]

Kết quả là các học sinh da màu, vốn chiếm hầu hết các học sinh trong khu vực lợi tức thấp, thường có mức thành đạt về giáo dục thấp hơn học sinh da trắng, vốn thường sống trong các khu vực khá giả hơn. Thí dụ, chỉ có 14% học sinh lớp 4 trong khu vực nghèo đạt kết quả đọc hiểu (comprehensive reading) ở mức thành thạo (proficient) hay cao hơn, và 17% đạt mức thành thạo về toán, trong khi ở các khu vực lợi tức khá, tỷ lệ học sinh lớp 4 đạt mức đọc hiểu thành thạo cao gấp đôi, và có tới 60 % đạt mức thành thạo về toán. Đến giữa tuổi thiếu niên (14 tuổi) mức thành đạt về học vấn của trẻ em thuộc thành phần lợi tức thấp bị chậm lại nguyên một năm so với học sinh thuộc thành phần khá giả. [39] Ngoài ra, tỷ lệ tốt nghiệp trung học ở các trường trong khu vực lợi tức rất thấp là 68%, và tỷ lệ theo học đại học là 28%, trong khi ở các trường trong khu vực khá giả, 91% học sinh tốt nghiệp trung học và 52% theo học đại học. [40]

### **Bất Bình Đẳng Về Cơ Hội Kinh Tế**

Ở Hoa Kỳ, bất bình đẳng về cơ hội kinh tế thường liên quan đến chủng tộc. Không kể thời kỳ nô lệ và phân biệt chủng tộc khi người da đen bị kỳ thị một cách hợp pháp, hiện nay (khi kỳ thị chủng tộc bị coi là bất hợp pháp) tình trạng bất bình đẳng về cơ hội kinh tế vẫn còn là một thực tế đối với phần lớn người da màu. Trong bốn thập kỷ gần đây, người da đen ở Hoa Kỳ có tỷ lệ thất nghiệp cao hầu như gấp hai lần tỷ lệ thất nghiệp của người da trắng. [41]. Khi tình hình kinh tế Hoa Kỳ ở vào thời kỳ tương đối tốt đẹp trước khi xảy ra nạn dịch Covid-19, tỷ lệ thất nghiệp của người da đen là 6.3% và của người Mỹ gốc Latin là 4.8% so với 3.1% của người da trắng.

[42] Nhiều yếu tố liên quan đến tình trạng kỳ thi trong hệ thống đã đóng góp vào vấn đề cách biệt chủng tộc về cơ hội kinh tế cũng như lợi tức/thu nhập.

Trước hết là sự khác biệt về trình độ học vấn. Thanh thiếu niên da màu, đặc biệt là thanh thiếu niên da đen và gốc Latin thường sống và theo học tại các trường trong các khu vực lợi tức kém nơi phẩm chất giáo dục thường thấp hơn các trường ở các khu vực lợi tức cao có đa số học sinh da trắng theo học. Do đó, người da màu tính trung bình có mức thành đạt về học vấn thấp hơn người da trắng (ngoại trừ người gốc Á châu). Mặc dù khác biệt về tỷ lệ tốt nghiệp trung học giữa các nhóm chủng tộc không lớn lắm (89% học sinh da trắng, 79% học sinh da đen, 81% học sinh gốc Latin, và 95% học sinh gốc Á Châu) [43], khác biệt về tỷ lệ có bằng đại học (4 năm trở lên), là một câu chuyện khác. Bốn mươi phần trăm người da trắng trong độ tuổi 25-64 tuổi có bằng đại học so với 58% người gốc Á Châu, 26% người da đen và 19% người gốc Latin cùng độ tuổi (người gốc Á Châu có tỷ lệ những người có bằng đại học cao vì gần một nửa di dân từ Á Châu khi đến Mỹ trong thập kỷ vừa qua đã có bằng đại học. [44])

Sự khác biệt về trình độ học vấn là **một** trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc tìm kiếm việc làm và tham gia lao động. Bảy mươi ba phần trăm những người có bằng đại học tham gia lao động so với 57% những người chỉ có trung học và 47% những người chưa tốt nghiệp trung học, vốn cũng là nhóm có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất. [45]

Ngoài ra, sống cô lập trong các khu vực lợi tức thấp trong nội thành (inner cities) cách biệt với dòng chính của xã hội đã giảm thiểu rất nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm của dân cư ở đây. Từ đầu thập kỷ 1970s, việc tái cấu trúc kinh tế và phát triển đô thị dẫn đến phong trào di chuyển ra vùng ngoại ô của tầng lớp trung lưu da trắng cùng các hãng xưởng và cơ sở thương mại. [46] Trong khi đó, không có những đầu tư thích hợp cho chuyên chở công cộng từ các khu vực nội thành ra ngoại ô nơi có các hãng xưởng. Trong khi tầng lớp trung lưu da trắng có thể kiếm việc dễ dàng từ những hãng xưởng gần nơi họ sinh sống ở ngoại ô, một số lớn người da màu, vì không có điều kiện tài chánh để ra sống ở vùng ngoại ô, bị mắc kẹt ở nội thành nơi không còn nhiều hãng xưởng và các cơ sở thương mại quan trọng, và do đó khó có cơ hội kiếm việc làm.

Những người sống trong những khu vực lợi tức thấp ở nội thành còn gặp phải thái độ không thân thiện của các chủ nhân, kể cả các chủ nhân có cơ sở kinh doanh ở nội thành, vốn có thành kiến tiêu cực về tác phong và đạo đức của dân cư nội thành. Nhiều chủ nhân từ chối không thuê mướn người sống ở nội thành vì cho rằng người dân ở nơi đây, nhất là thanh thiếu niên, thiếu thành thật và lười nhác. [47]

Thành kiến chủng tộc từ cá nhân cũng đóng góp vào cách biệt về cơ hội việc làm giữa các nhóm chủng/sắc tộc **có cùng trình độ học vấn**. Thí dụ, thời gian gần đây, trong số những người chưa tốt nghiệp trung học, tỷ lệ thất nghiệp của người da đen là 16%, của người da trắng là 8.3%, gốc Latin là 8.2% và Á châu là 6.5%. Trong số những người có bằng đại học trở lên, tỷ lệ thất nghiệp của người da đen là 4.5%, da trắng là 2.8%, gốc Latin là 3.9% và Á Châu là 3.7%. [48]

Kỳ thi chủng tộc trong hệ thống của ngành tư pháp hình sự (trình bày dưới đây) cũng ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng tìm việc làm. Người da màu, ngoại trừ người Á Châu, có tỷ lệ bị bắt giữ và phạt tù cao hơn người da trắng, trong khi có hồ sơ tội phạm là một trở ngại rất lớn khi tìm kiếm việc làm. Hiện nay, nhiều ngành nghề từ chối cấp giấy phép cho những người có hồ sơ tội phạm. [49] Ngoài ra, hầu hết các chủ nhân đều kiểm tra lý lịch những người xin việc, và hồ sơ tội phạm, dù chỉ là một vi phạm hình sự nhẹ cũng có thể khiến cho người nộp đơn không được tuyển dụng hay gọi phỏng vấn. [50]

### Cách Biệt Chủng Tộc Về Lợi Tức/Thu Nhập

Ngoài cách biệt về cơ hội tìm kiếm việc làm, người da màu còn đối diện với cách biệt về nghề nghiệp và thu nhập. Năm 1964, tổng thống Lyndon J. Johnson ký ban hành luật Civil Right Act cấm các sự kỳ thị vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính và nguồn gốc quốc gia. Tuy nhiên, người da đen thường luôn luôn lãnh lương thấp hơn đồng nghiệp da trắng **sau khi đã tính đến vấn đề tuổi tác, học vấn, và khu vực sinh sống**. Cuối thập kỷ 1970s, lương trung bình của công nhân da đen bằng 80% lương trung bình của công nhân da trắng. Hơn 30 năm sau, 2016, cách biệt lương bổng gia tăng khi lương trung bình của công nhân da đen chỉ bằng 70% lương trung bình của công nhân da trắng. [51] Trong năm 2019, thu nhập gia đình trung vị (household median incomes) của người da trắng là \$76, 000

so với \$56,000 của người Mỹ gốc Latin và \$46,000 của người Mỹ da đen. [52]

Kỳ thi trong thị trường lao động đưa đến sự cách biệt về nghề nghiệp (occupations), và sự thất bại của các chính quyền trong việc ban hành và thực thi các luật lệ nhằm bảo vệ sự công bằng trong việc làm và lương bổng là những yếu tố chính đóng góp vào sự cách biệt chủng tộc về lương bổng và tài sản. Người da màu thường hiện diện đông đảo (overrepresented) trong những ngành nghề trả lương thấp và hiện diện thưa thớt (underrepresented) trong những ngành nghề trả lương cao. Trong khi người da đen, gốc Latin và gốc Á châu chiếm 36% dân số, họ chiếm 58% những công nhân làm các việc vụn vặt trong nông nghiệp, 70% những người giúp việc hay lau chùi dọn dẹp tại tư gia, và 74% những người làm nghề khâu vá hay gác cửa. [53]

Mặc dù học vấn có thể đưa đến sự khác biệt về nghề nghiệp, trong những người có cùng trình độ học vấn, người da màu và người da trắng thường làm trong các ngành nghề khác nhau. Nghiên cứu cho thấy sự cách biệt này không do kỹ năng cứng (hard skills), kỹ năng mềm (soft skills), hay ý thích của công nhân. Nam giới da đen ít hiện diện trong những nghề nghiệp không cần nhiều học vấn nhưng trả lương cao, như xây dựng và bảo trì, vốn trả lương cao hơn ngành dịch vụ, nơi có đông người da đen làm việc và trả lương thấp hơn. Trung bình lương hàng năm của những ngành nghề có đông đảo người da đen làm việc là \$37,000 so với \$50.000 của những ngành nghề nơi người da ít hiện diện. [54] Người da đen dù có đủ trình độ học vấn cho các chức vụ quản lý (management) hay chuyên môn cao (professionals) cũng ít hiện diện trong lãnh vực này, và thường bị trả lương thấp hơn so với các đồng nghiệp da trắng.

Tác giả Barbara Bergmann (1971) giải thích sự cách biệt này là do người da đen bị từ chối những việc làm trả lương cao nên phải dồn vào làm các công việc trả lương thấp. Các chủ nhân từ chối việc làm cho người da đen có thể do thành kiến chủng tộc, do ngộ nhận về khả năng hay kỹ năng của ứng viên da đen, hay do lo sợ về phản ứng tiêu cực từ khách hàng. [55] Nghiên cứu gần đây cho thấy giới chủ nhân thường hướng những người da đen đi xin việc hơn người da trắng vào các ngành nghề hay công việc trả lương thấp. [56]

Các chính sách về lao động, dù không có ý kỳ thị người da màu, cũng gây ra thiệt thòi cho những nhóm này. Trong thời kỳ New Deal cách đây gần một thế kỷ, luật Fair Labor Standards Act 1938

(FLSA), ra đời qui định chế độ 40 giờ làm việc một tuần và trả lương quá giờ (overtime), cấm lao động trẻ em, và mức lương tối thiểu (liên bang). Trong khi FLSA nâng cao mức sống của rất nhiều công nhân da trắng, đa số công nhân da đen không được hưởng các lợi ích này vì luật FLSA miễn trừ áp dụng các qui định nhằm bảo vệ những người đi làm ăn lương đối với các ngành nghề trong nông nghiệp, dịch vụ và giúp việc tại tư gia. [57] Luật FLSA được sửa đổi nhiều lần để thêm vào các ngành nghề phải tuân thủ các qui định bảo vệ người đi làm, nhưng ngành nông và dịch vụ phục vụ tại các tư gia vẫn nằm bên ngoài khiến nhiều người làm việc trong các lãnh vực này, phần lớn là người da màu, vẫn không được luật FLSA bảo vệ.

Luật National Labor Relation Act 1935, còn gọi là Wagner Act được ban hành ba năm trước luật FLSA để mở rộng quyền thương thảo tập thể của công đoàn ra toàn quốc. Thành viên công đoàn được hưởng lương cao hơn, được gia tăng các quyền lợi và an toàn về việc làm. Tuy nhiên, luật Wagner Act vẫn không bao gồm những người làm việc trong nông nghiệp và dịch vụ tại tư gia nên quyền lợi về lương bổng, điều kiện làm việc và an toàn về công việc (job security) của những người làm việc trong hai lãnh vực này vẫn không được bảo vệ. [58] Ngày nay, mức lương giờ trung vị (median hourly wage) tại Hoa Kỳ là \$18.58, trong khi mức lương giờ trung vị của các ngành nghề khuân vác, gác cửa, và giúp việc tại gia là \$12.91 và \$11.91. [59] Hiện thời, 11% người đi làm ở Hoa Kỳ nhận mức lương thấp khiến thu nhập gia đình rơi dưới mức nghèo khổ (federal poverty levels) dù họ làm việc toàn thời gian và làm trọn năm nếu họ là người kiếm tiền duy nhất trong gia đình, và người da màu có tỷ lệ nhận mức lương nghèo khổ cao gấp hai người da trắng. Hơn 14% người da đen và gần 20% gốc Latin so với gần 9% người da trắng nhận mức lương nghèo khổ. [60]

Trong phong trào dân quyền, các chính quyền liên bang ban hành nhiều qui chế để bảo vệ người da màu khỏi bị kỳ thị. Tuy nhiên những cơ quan được thành lập để chống kỳ thị chủng tộc thường không được tài trợ đầy đủ, hay các qui chế (statutes) chống kỳ thị lại có các khoản miễn trừ. Năm 1965, tổ chức U.S. Equal Employment Opportunity Commission (EEOC) được thành lập để thi hành luật (liên bang) chống kỳ thị chủng tộc bằng cách qui định việc kỳ thị những người xin việc vì lý do chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, và khuyết tật là bất hợp pháp. Tuy nhiên EEOC không bao giờ được tài trợ đầy đủ để làm

tròn công việc. Trong vòng 4 thập kỷ, dân số ở Hoa Kỳ tăng 44%, nhưng quốc hội không tăng mà còn cắt giảm ngân sách của EEOC, khiến cơ quan này phải cắt giảm nhân sự làm cản trở việc thực thi luật chống kỳ thị.[61] Các tiểu bang cũng cũng giới hạn phạm vi thi hành luật chống kỳ thị bằng cách thiết lập số nhân viên tối thiểu các cơ sở thương mại hay công ty cần có để áp dụng. Hiện nay, hơn 2/3 các tiểu bang qui định số nhân viên tối thiểu từ 5 đến 20 để thực thi luật chống kỳ thị. [62] Những qui định số nhân viên tối thiểu đã gây thiệt hại cho sự an toàn về công việc của các người làm việc cho các cơ sở nhỏ, vốn đa số là những người da màu.

### **Cách Biệt Chúng Tộc Về Tài Sản và Tiền Mặt Cho Nhu Cầu Cấp Bách**

Ngoài các cách biệt về nhà ở, học lực, việc làm và lương bổng, người da trắng cũng có tài sản trị giá cao gấp nhiều lần hơn trị giá tài sản của người da màu. Theo thống kê năm 2019, trị giá tài sản trung vị (median family wealth) và trung bình (mean family wealth) của các gia đình da trắng là \$188,200 và \$983,400, trong khi các con số tương tự của các gia đình da đen là \$24,000 và \$142,00; của các gia đình gốc Latin là \$36,000 và \$165,000. Các gia đình gốc Á Châu có tài sản trị giá nằm giữa trị giá tài sản của các gia đình da trắng và các gia đình da đen. [63] Các cách biệt giữa các nhóm chủng tộc về lương bổng, sở hữu nhà cửa, tiền để dành và quỹ hưu bổng, và thừa kế là những yếu tố đóng góp vào chênh lệch chủng tộc về tài sản.

Đối với nhiều gia đình, nhà cửa hay bất động sản là phần quan trọng hay phần lớn nhất của tài sản. Nghiên cứu cho thấy sở hữu nhà cửa hay bất động sản mang lại lợi nhuận tài chánh quan trọng và là phương tiện để xây dựng tài sản gia đình thông qua thừa kế (inheritance) hay biếu tặng (donation). [64] Như đã trình bày ở trên, người da trắng ở Hoa Kỳ có tỷ lệ sở hữu nhà cửa cao hơn người da màu. Ngoài ra, người da trắng cũng sở hữu nhà cửa có trị giá cao hơn trị giá nhà của người da màu. Một căn nhà của người da trắng điển hình có trị giá \$230,000 trong khi trị giá một căn nhà của người da đen điển hình là \$150,000. Sự khác biệt về trị giá nhà là do khác biệt về khả năng tài chánh của người mua nhà cũng như khu vực của căn nhà. Người da màu có thu nhập/lợi tức thấp hơn người da trắng, và thường sinh sống ở những khu vực có giá trị kinh tế thấp do tình trạng cách biệt chủng tộc về nhà ở nên khó mua nhà có trị giá cao.

Ngoài ra, tiền để dành và quỹ hưu bổng là một phần rất quan trọng của tài sản cá nhân. Người da màu có số tiền dành cho nghỉ

hưu thấp hơn nhiều lần số tiền này của người da trắng. Trong năm 2016, trung bình một gia đình da trắng có \$130,000 cho quỹ về hưu trong khi trung bình một gia đình da đen và gốc Latin chỉ có khoảng \$25,000. [65]

Tham gia các quỹ hưu bổng là một yếu tố quan trọng cho việc gây dựng tài sản. Các khoản tiền đóng vào quỹ về hưu được hoãn thuế (tax deferred) tạo thêm lợi lộc cho người tham gia. Tuy nhiên, người da màu thường ít tham gia các quỹ về hưu so với người da trắng. Thí dụ, trong lứa tuổi trung niên vốn có tỷ lệ cao nhất về tham gia quỹ về hưu, 65% các gia đình người da trắng sở hữu ít nhất một quỹ về hưu so với 44% các gia đình người da đen và 28% các gia đình người gốc Latin. [66]

Sự khác biệt về tham gia quỹ hưu bổng phần lớn là do chênh lệch chủng tộc về nghề nghiệp (occupation), lương bổng và cơ hội. Thực tế là không phải tất cả mọi người đi làm đều có cơ hội tham gia các chương trình hỗ trợ quỹ hưu bổng tại nơi làm việc. Thường các công ty lớn mới tổ chức các chương trình hưu bổng giúp người tham gia để dành tiền cho lúc về hưu đồng thời được hoãn thuế trên số tiền đóng vào quỹ hưu bổng. Trong số những người trong tuổi lao động (dưới 55), người da trắng có nhiều cơ hội làm việc tại các cơ sở có tổ chức chương trình hưu bổng, trong khi người da màu thường làm cho các cơ sở nhỏ, tư gia, hay các trang trại nơi không cung cấp chương trình hưu bổng. Gần 70% người da trắng, so với 55% người da đen và 45% người gốc Latin có cơ hội tham gia chương trình hưu bổng ở nơi làm việc. Ngoài ra, trong số những người có cơ hội tham gia các chương trình hưu bổng tại nơi làm việc, người da màu cũng ít tham gia hơn người da trắng. Khi có cơ hội, hầu hết người da trắng (90%) tham gia so với 80% người da đen và 70% người gốc Latin. Tính chung, khoảng 60% nhân viên da trắng, so với 45% nhân viên da đen và 34% nhân viên gốc Latin tham gia các chương trình hưu bổng tại nơi làm việc. [67]

Phần lớn sự khác biệt về đóng góp vào quỹ hưu bổng là do chênh lệch về thu nhập. Như đã trình bày ở trên, người da màu thường có thu nhập thấp hơn người da trắng; nhiều người da màu còn có mức lương dưới mức nghèo khổ. Khi lương bổng không đủ để chi tiêu cho các nhu cầu thường ngày thì việc để dành là điều bất khả. Điều này cũng hiện rõ trong số tiền mặt dành cho nhu cầu cấp bách. Một gia đình da trắng điển hình có khoảng \$8,000 trong quỹ tiết kiệm tại ngân hàng so với \$2,000 hay ít hơn của một gia đình người da đen và gốc Latin điển hình. [68]



Thừa kế và hỗ trợ từ gia đình cũng là phần đóng góp quan trọng vào việc xây dựng tài sản qua nhiều thế hệ. Tính trung bình, một người đàn ông da trắng kiếm được \$2.7 triệu trong suốt cuộc đời so với \$1.7 triệu của người da đen và \$2 triệu của người gốc Latin. Các sự khác biệt này sẽ tăng lên khi được lưu truyền qua nhiều thế hệ. [69] Người da trắng cũng có tỷ lệ sở hữu nhà, quỹ hưu bổng và tiền mặt nhiều hơn người da màu nên việc xây dựng tài sản qua các thế hệ của người da trắng cũng cao hơn. Trung bình có 30% người da trắng được hưởng thừa kế so với 10% người da đen và 7% người gốc Latin. [70]

### **Bất bình Đẳng Về Công Lý**

Cách biệt chủng tộc (racial disparities) về công lý hiện rõ trong mọi giai đoạn của hệ thống hình sự tư pháp Hoa Kỳ, bao gồm cảnh sát, công tố và tòa án, ngược lại với nguyên tắc “mọi người bình đẳng trước pháp luật.” Cộng đồng người da đen thường bị nghi ngờ phạm tội nhiều hơn và cũng bị trừng phạt nặng hơn người da trắng trong cùng hoàn cảnh.

Các sự khác biệt chủng tộc về công lý có một lịch sử lâu dài từ các chính sách về trị an (policing and crime control) và các thành kiến tai hại khi liên kết người da đen với tội phạm. Trong thời kỳ nô lệ, mục đích của các cơ quan cảnh sát ở các tiểu bang miền Nam là kiểm soát và đe dọa những người bị bắt làm nô lệ bằng cách gán cho họ tội phản nghịch khi họ bỏ trốn. Sau nội chiến (Civil War), các tiểu bang miền Nam thiết lập luật Jim Crow nhắm vào cộng đồng người da đen để bắt giam và phạt tù những người vô nghề nghiệp và những người vô gia cư, sống lang bang (vagrants) rồi sau đó cho các chủ đồn điền thuê sức lao động của các tù nhân. Trong thập kỷ 1970s và 1980s, truyền thông ở Hoa Kỳ cũng như các chính khách đã mô tả (characterized) cộng đồng người da đen, đặc biệt là nam giới, là những kẻ cướp bóc (predators) và tội phạm (criminals). Cộng đồng da trắng cũng xem người da đen là đáng sợ (intimidating), thích bạo lực và không đáng tin cậy. Những thành kiến đó dẫn đến việc cộng đồng da đen bị kiểm soát quá mức (over-policing). [71] Trong thời kỳ chiến tranh chống ma túy, nam giới người gốc Latin cũng trở thành mục tiêu của chính sách phân biệt chủng tộc (racial profiling).

Ngày nay, các nhân viên công lực nhắm vào người da đen vì lý do “nghi ngờ phạm tội” với tỷ lệ cao hơn người da trắng. Người da đen chiếm 13% dân số, nhưng chiếm 27% những người bị bắt vì

ngghi ngờ phạm tội. [72] Người da đen cũng có nguy cơ bị bắt giữ vì ma túy cao gấp hơn ba lần người da trắng. [73] Với quan điểm có nhiều tội phạm trong các cộng đồng thiểu số, các giới chức trong ngành cảnh sát tăng cường tuần tiễu ở các cộng đồng này vì cho rằng làm như thế sẽ có khả năng bắt được tội phạm và tăng cường an ninh. [74]

Sau khi bị bắt, các nghi can (suspects) da màu, nhất là các nghi can da đen và gốc Latin, có khả năng bị tạm giam chờ ngày ra tòa cao hơn gấp ba lần các nghi can da trắng. Ngoài vấn đề kỳ thị công khai hay thành kiến chủng tộc, lý do của sự khác biệt còn nằm sâu trong hệ thống (systemic), tức là các chính sách về tiền xử lý (pre-trial) và tại ngoại hậu tra (pre-trial release). Trên 70% các vụ bắt giữ đòi hỏi tiền thế chân (bond) để được tại ngoại hậu tra, còn những nghi can bị coi là nguy hiểm thường không được tại ngoại. Các nghi can da màu, nhất là nghi can da đen và gốc Latin, thường bị từ chối tại ngoại hay bị ấn định mức tiền thế chân cao hơn khả năng đóng. [75] Vì người da màu thường có lợi tức thấp, đa số nghi can da màu không có khả năng đóng tiền thế chân nên phải ở trong trại tạm giam chờ ngày ra tòa.

Khi ra tòa, người da màu có tỷ lệ bị kết án (convicted) và bị hình phạt tù cao hơn tỷ lệ của người da trắng. Mặc dù người da đen và người gốc Latino chiếm 29% dân số, họ chiếm 57% tổng số tù nhân. So với người da trắng, người da đen có nguy cơ bị ngồi tù cao gấp 7 lần và người gốc Latin cao gấp 3.5 lần. [76]

Bị ở trong trại tạm giam để chờ ngày ra tòa là một yếu tố làm tăng khả năng bị kết án (convicted), chịu hình phạt tù (sentenced to prison), và có hình phạt tù lâu hơn (sentenced to longer prison terms). Thành kiến chủng tộc và việc xử dụng quyền tự động (discretion) của công tố cũng khiến các nghi can da màu bị buộc tội (charged) nặng hơn, dẫn đến hình phạt tù và hình phạt tù nặng hơn. Ngoài ra, việc thi hành một số chính sách về hình sự tư pháp, mặc dù không công khai có tính kỳ thị nhưng cũng gây thiệt thòi cho người da màu do hoàn cảnh của họ. Thí dụ, luật chống ma túy “Drug-Free School Zone” qui định áp dụng hình phạt nặng hơn cho các trường hợp buôn bán ma túy trong khu vực gần trường học. Vì trường học ở các khu vực lợi tức thấp thường rất gần với khu gia cư, các người vi phạm luật chống ma túy ở các khu vực đô thị (urban areas) lợi tức thấp, thường là nghèo, hay bị áp dụng luật “Drug-Free School Zone” và chịu hình phạt nặng hơn những người vi phạm luật

này ở các vùng ngoại ô (suburban areas) nơi người dân có mức lợi tức cao hơn.

Việc áp dụng quyền hiến định được hỗ trợ pháp lý (the right to legal counsel) cũng gây thiệt thòi cho các người nghèo và người da màu. Trong khi 80% bị can (accused), trong đó phần lớn là người da màu, thuộc thành phần nghèo không thể tự thuê luật sư biện hộ, hầu hết các khu vực pháp lý (judicial jurisdictions) không có các nguồn tài chính ổn định đủ để cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý có chất lượng cho các người có nhu cầu. Hiện nay không có qui định thống nhất toàn liên bang hay tiểu bang về nguồn tài chính cho công tác hỗ trợ pháp lý cho người nghèo. Có nhiều nơi việc cung cấp hỗ trợ pháp lý cho người nghèo hoàn do toà án và các tổ chức xã hội dân sự phụ trách mà không có sự hỗ trợ tài chính từ chính quyền tiểu bang. Vì các cơ quan phụ trách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo không có đủ phương tiện tài chính, các luật sư làm công tác hỗ trợ pháp lý cho các bị can nghèo thường phải phụ trách quá nhiều vụ khiến không đủ thời gian để nghiên cứu hồ sơ hay thảo luận với khách hàng một cách kỹ lưỡng. [77]

Các biện pháp hành chính áp dụng cho những người có án hình sự, mặc dù không có tính kỳ thị chủng tộc công khai, có nhiều ảnh hưởng tiêu cực hơn đối với các cộng đồng da màu. Các biện pháp hành sách này giới hạn các quyền dân sự nên được gọi là “những hậu quả liên đới” (collateral consequences) của án hình sự. Chúng còn được gọi là hình phạt vô hình (invisible punishment) vì không được công bố khi tuyên án, khiến những người là đối tượng của chúng không hề hay biết cho đến khi họ tìm cách xử dụng những dịch vụ hành chính mà họ bị ngăn cấm vì có án hình sự.

Hình phạt vô hình có từ thời Trung Cổ nhưng đến thế kỷ 20 bị chỉ trích là trái với nhân quyền. Tuy nhiên, với chiến tranh chống ma tuý (war on drugs) và chiến tranh chống tội phạm (war on crimes) hình phạt vô hình được gia tăng xử dụng từ thập kỷ 1980s ở hầu hết các tiểu bang ở Hoa Kỳ với nhiều hình thức giới hạn mới gần như bao phủ mọi khía cạnh cuộc sống cá nhân, đặc biệt cho những người từng có án liên quan đến ma tuý, dù chỉ là án tiểu hình (misdemeanor). Ngoài các giới hạn về quyền công dân, các giới hạn về các dịch vụ trợ giúp xã hội và nghề nghiệp cũng như thành kiến xã hội đã gây ra nhiều khó khăn cho những người có án hình sự trong việc tìm kiếm việc làm, kiếm tiền, hay tạo lập tài sản. Vì người da màu có tỷ lệ bị kết án về hình sự cao một cách bất cân xứng, các

chính sách về hình phạt vô hình đã gây ra nhiều thiệt hại nhiều hơn cho các cộng đồng da màu so với các cộng đồng da trắng.

### **Kết Luận**

Gần 200 năm sau khi chất dứt chế độ nô lệ (1865) và hơn nửa thế kỷ sau khi chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ trên giấy tờ (1965), kỳ thị chủng tộc trong hệ thống vẫn còn là một thực tế tại Hoa Kỳ. Các sự khác biệt giữa các nhóm chủng tộc về tài sản, nhà cửa, học vấn, việc làm, lương bổng và an toàn công lý là kết quả của một sự phối hợp phức tạp giữa kỳ thị chủng tộc công khai trong quá khứ và các sự kỳ thị có nguồn gốc sâu xa trong hệ thống xã hội.

Mặc dù không có chủ đích, kỳ thị chủng tộc trong hệ thống xảy ra khi các chính sách cũng như việc vận hành các định chế đã ăn sâu trong xã hội khiến một số lớn thành viên của các nhóm chủng tộc không có cơ hội tham gia các định chế quan trọng xã hội (major social institutions), [78] hay khi các tổ chức trong xã hội thất bại trong việc cung cấp các quyền lợi và dịch vụ thiết yếu cho một thành phần xã hội vì lý do chủng tộc, văn hóa hay nguồn gốc quốc gia. [79]. Kỳ thị trong hệ thống cũng xảy ra khi xã hội thiếu các nỗ lực cần thiết để chống lại kỳ thị chủng tộc từ các tổ chức, tư nhân hay công quyền, và cá nhân.

Vì kỳ thị chủng tộc trong hệ thống rất tinh tế và không công khai, xuất phát từ việc vận hành những lực lượng, các tổ chức được công nhận và có uy tín và được tôn trọng trong xã hội, hiện tượng này khó được nhận biết nên rất ít khi bị phê phán so với kỳ thị chủng tộc bởi cá nhân, vốn dễ nhận biết do nó công khai. [80] Bởi vì kỳ thị trong hệ thống thường không được nhận biết nên không có những nỗ lực để xóa bỏ khiến chúng vẫn tồn tại, ngăn cản việc thực hiện lý tưởng công bằng xã hội mà đa số công chúng Hoa Kỳ cùng đồng ý. Tuy việc xóa bỏ kỳ thị trong hệ thống không hẳn dễ dàng vì nó đã ăn sâu vào cấu trúc cũng như cách vận hành xã hội trong nhiều thế hệ, một trong những điều kiện tiên quyết để thành công là việc công nhận thực tế kỳ thị chủng tộc trong hệ thống ở Hoa Kỳ hiện nay để từ đó tìm hiểu nguyên nhân và cách sửa đổi.

### **Chú Thích**

1. Merriam Webster: Racism. URL: <https://www.merriam-webster.com/dictionary/racism>.

2. Schaefer, R. (2001). *Race and Ethnicity in the United States*. Prentice Hall.
3. Northern Visions on Race, Religion and Reform. *Racial Stereotype in the Civil War Era*. URL: <https://www.americanantiquarian.org/Freedmen/Intros/questions.html#cranio>.
4. History. *Jim Crow Laws*. URL: <https://www.history.com/topics/early-20th-century-us/jim-crow-laws>.
5. Xem chú thích 4.
6. *Plessy V. Ferguson (1896)*. URL: [https://en.wikipedia.org/wiki/Plessy\\_v.\\_Ferguson](https://en.wikipedia.org/wiki/Plessy_v._Ferguson).
7. *Brown v. Board of Education (1954)*. URL: [https://en.wikipedia.org/wiki/Brown\\_v.\\_Board\\_of\\_Education](https://en.wikipedia.org/wiki/Brown_v._Board_of_Education).
8. Xem chú thích 2.
9. Carmichael, S. & Hamilton, C. V. (1992 ed.). *Black Power: Politics of Liberation*. Vintage Books.
10. Federal Reserve Bank of New York. *Inequality in U.S. Homeownership Rates by Race and Ethnicity*. URL: <https://libertystreeteconomics.newyorkfed.org/2020/07/inequality-in-us-homeownership-rates-by-race-and-ethnicity.html>.
11. Massey, D. & Denton, N. (1993). *American Apartheid: Segregation and the Making of the Underclass*. Harvard University Press; Kenneth T. Jackson (1985). *Crabgrass Frontier: The Suburbanization of the United States*. Oxford University Press; Rothstein, R. (2017). *The Color of Law: A Forgotten History of How Our Government Segregated America*. Liveright.
12. Massey, D. & Denton, N. (1993). *American Apartheid: Segregation and the Making of the Underclass*. Harvard University Press.
13. Chudacoff, H. P. & Smith, J. E. (1994). *The Evolution of American Urban Society*. Prentice Hall.
14. Wright, G. (1981). *Building the Dream: A Social History of Housing in America*. MIT Press.

15. Ở Hoa Kỳ, cụm từ “inner cities” dùng để chỉ các khu vực nghèo nằm cạnh trung tâm thành phố, nơi từng lớp trung lưu cùng các nhà máy và các cơ sở thương mại quan trọng đã di chuyển ra vùng ngoại ô trong thời hậu chiến (WWII).
16. Bratt, R. (1989). *Rebuilding Low Income Housing Policy*. Temple University Press.
17. Xem chú thích 12.
18. Romo, R. (1987). *East Los Angeles: History of a Barrio*. University of Texas Press.
19. Julian, E. (2019). The Fair Housing Act at Fifty: Time for a Change. *Cardozo Law Review*, 40: 1133–1148.
20. Mathias Jr., C & Morris, M. Fair Housing Legislation: Not an Easy Row to Hoe. *Cityscape*, 4: 21-33; Rigel C. Oliveri, R. C. (2018). The Legislative Battle for the Fair Housing Act, 1966-1968. In Gregory D. Squires (ed.), *The Fight for Fair Housing: Causes, Consequences, and Future Implications of the 1968 Federal Fair Housing Act* (p. 28–39). Routledge.
21. Xem chú thích 19.
22. NPR. *Seeking Suburban Votes, Trump To Repeal Rule Combating Racial Bias In Housing*. URL: <https://www.npr.org/2020/07/21/893471887/seeking-suburban-votes-trump-targets-rule-to-combat-racial-bias-in-housing>.
23. Massey, D. S. & Tannen, J. (2015). A Research Note on Trends in Black Hypersegregation. *Demography*, 52: 1025–1034.
24. Census Scope. *About Dissimilarity Indices*. URL: [http://www.censusscope.org/about\\_dissimilarity.html](http://www.censusscope.org/about_dissimilarity.html).
25. Turner, M. A., Struyk, R. J. & Yinger, J. (1991). *Housing Discrimination Study: Synthesis*. Washington, DC: U.S. Department of Housing and Urban Development; xem thêm Feagin, J. (1999). Excluding Blacks and Others from Housing: The Foundation of White Racism. *Cityscape*: 4, 79-91. URL: <https://www.huduser.gov/portal/Periodicals/CITYSCPE/VOL4NUM3/feagin.pdf>.

26. Mayer, C. B. (1997). Minorities Said to Face Bias in House Hunting: Study Finds Blacks, Hispanics Treated Worse. *Washington Post*, April 9.
27. Feagin, J. (1999). Excluding Blacks and Others from Housing: The Foundation of White Racism. *Cityscape*: 4, 79-91. URL: <https://www.huduser.gov/portal/Periodicals/CITYSCPE/VOL4NUM3/feagin.pdf>.
28. Thomas, P. (1992). Detail Pervasive Racial Gap in Mortgage Lending. *Wall Street Journal*, March 31, p. 1.
29. Smith, S. L. & Clous, C. (1997). Documenting Discrimination by Homeowners Insurance Companies through Testing. In Gregory Squire, *Insurance Redlining: Disinvestment, Reinvestment, and the Evolving Role of Financial Institutions*. Washington, DC: Urban Institute.
30. Xem chú thích 27.
31. Xem chú thích 27.
32. National Center for Education Statistics. *The Condition of Education 2018*. URL: <https://nces.ed.gov/pubsearch/pubsinfo.asp?pubid=2018144>.
33. Baker, B. D., Farrie, D. & Sciarra, D. S. (2016). Mind the Gap: 20 Years of Progress and Retrenchment in School Funding and Achievement Gaps. *ETS Research Report Series*, 1: 1-37.
34. Center for America Progress. *Hidden Money: The Outsized Role of Parent Contributions in School Finance*. URL: <https://www.americanprogress.org/issues/education-k-12/reports/2017/04/08/428484/hidden-money/>.
35. Nelson, A. & Gazley, B. (2014). The Rise of School-Supporting Nonprofits. *Education Finance and Policy*, 9: 541-566.
36. Xem chú thích 34.
37. Brookings Institute. *Unequal Opportunity: Race and Education*. URL: <https://www.brookings.edu/articles/unequal-opportunity-race-and-education/>.
38. Xem chú thích 37.

39. McCarty, A. T. (2016). Child Poverty in the United States: A Tale of Devastation and the Promise of Hope. *Sociology Compass*, 10: 623–639.
40. Tim Sass, T. et al. (2010). *Value Added of Teachers in High-Poverty Schools and Lower-Poverty Schools*. National Center for Analysis of Longitudinal Data in Education Research, Urban Institute. URL: <https://caldercenter.org/sites/default/files/1001469-calder-working-paper-52.pdf>.
41. Center for America Progress. *Systemic Inequality and Economic Opportunities*. URL: <https://www.americanprogress.org/issues/race/reports/2019/08/07/472910/systematic-inequality-economic-opportunity/>.
42. Economic Policy Institute. *State unemployment by race and ethnicity*. URL: <https://www.epi.org/indicators/state-unemployment-race-ethnicity/>.
43. National Center for Education Statistics. *Public High School Graduation Rates*. URL: [https://nces.ed.gov/programs/coe/indicator\\_coi.asp](https://nces.ed.gov/programs/coe/indicator_coi.asp).
44. US Census Bureau. *New Data on Educational Attainment*. URL: <https://www.census.gov/newsroom/press-releases/2020/educational-attainment.html>; Pew Research Center. *Portrait of Asian Americans*. URL: <https://www.pewsocialtrends.org/2012/06/19/chapter-1-portrait-of-asian-americans/>.
45. US Census Bureau. *Labor Force Participation by Levels of Education*. URL: <https://www.census.gov/library/visualizations/2020/comm/labor-force-by-education.html>.
46. Wilson, W. J. (1996). *When Work Disappears: The World of the New Urban Poor*. Vintage Books.
47. Xem chú thích 46.
48. Federal Reserve Bank of St. Louis. *Why Do Unemployment Rates Vary by Race and Ethnicity?* URL: <https://www.stlouisfed.org/on-the-economy/2017/february/why-unemployment-rates-vary-races-ethnicity>.



49. National Conference of State Legislatures. Barriers to Work: People with Criminal Records. URL: <https://www.ncsl.org/research/labor-and-employment/barriers-to-work-individuals-with-criminal-records.aspx#:~:text=Approximately%2077%20million%20Americans%2C%20or,that%20requires%20an%20occupational%20license.>
50. Agan, A & Starr, S. B. (2017). The Effect of Criminal Records on Access to Employment. *University of Michigan Law School Repository*. URL: [https://repository.law.umich.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2892&context=articles.](https://repository.law.umich.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2892&context=articles)
51. Federal Reserve Bank of San Francisco. *Disappointing Facts about the Black-White Wage Gap*. FRBFC Economic Letter, Sept. 5, 2017. URL: <https://www.frbsf.org/economic-research/files/el2017-26.pdf>.
52. US Census Bureau. *Incomes and Poverty in the United States*. URL: <https://www.census.gov/library/publications/2020/demo/p60-270.html>.
53. Xem chú thích 41.
54. Economic Policy Institute. *Whiter Jobs, Higher Wages: Occupational Segregation and the Lower Wages of Black Men*. URL: <https://files.epi.org/page/-/BriefingPaper288.pdf>.
55. Bergmann, Barbara R. 1971. The Effect on White Incomes of Discrimination in Employment. *Journal of Political Economy*, 29: 294–313.
56. Pager, D., Western, B. & Bonikowski, B. (2009). Discrimination in a low-wage labor market: A field experiment. *American Sociological Review*, 74: 777-799.
57. U.S. Department of Labor. *Fair Labor Standards Act Advisor*. URL: <https://webapps.dol.gov/elaws/whd/flsa/screen75.asp>.
58. U.S. National Labor Relations Board. *Employee Rights*. URL: <https://www.nlr.gov/rights-we-protect/rights/employee-rights>; Civil Eats. *Less than 1 Percent of US Farm Workers Belong to a Union*. URL: [Thời Đại Mới | Tháng 10, 2020](https://civileats.com/2019/05/07/less-</a></li>
</ol>
</div>
<div data-bbox=)

[than-1-percent-of-us-farmworkers-belong-to-a-union-heres-why/](#).

59. U.S. Bureau of Labor Statistics. *National Occupational Employment and Wage Estimates: United States*. URL: [https://www.bls.gov/oes/current/oes\\_nat.htm](https://www.bls.gov/oes/current/oes_nat.htm).
60. Economic Policy Institute. *Workers of Color Are Far More Likely to Be Paid Poverty-Level Wages than White Workers*. URL: <https://www.epi.org/blog/workers-of-color-are-far-more-likely-to-be-paid-poverty-level-wages-than-white-workers/>.
61. PR Newswire. *EEOC Union Condemns Drastic \$23.7M Budget Cut to Civil Rights Enforcement in #MeToo Era*. URL: <https://www.prnewswire.com/news-releases/eoc-union-condemns-drastic-23-7m-budget-cut-to-civil-rights-enforcement-in-metoo-era-300816490.html>.
62. National Conference of State Legislatures. *State Employment-Related Discrimination Statutes*. URL: <https://www.ncsl.org/documents/employ/Discrimination-Chart-2015.pdf>.
63. Board of Governors of the Federal Reserve System. *Disparities in Wealth by Race and Ethnicity in the 2019 Survey of Consumer Finances*. URL: <https://www.federalreserve.gov/econres/notes/feds-notes/disparities-in-wealth-by-race-and-ethnicity-in-the-2019-survey-of-consumer-finances-20200928.htm>.
64. Goodman, L. S. & Mayer, C. (2018). Homeownership and the American Dream. *Journal of Economic Perspectives*, 32: 31-58.
65. Urban Institute. *Nine Charts about Wealth Inequality in America*. URL: <https://apps.urban.org/features/wealth-inequality-charts/>.
66. Xem chú thích 63.
67. Xem chú thích 63.
68. Xem chú thích 63.
69. Xem chú thích 65.

70. Xem chú thích 63.
71. Urban Institute. *What would it take to overcome the damaging effects of structural racism and ensure a more equitable future?* URL: [https://next50.urban.org/sites/default/files/2019-05/2019.05.12\\_Next50%20structural%20racism\\_finalized%20%281%29.pdf](https://next50.urban.org/sites/default/files/2019-05/2019.05.12_Next50%20structural%20racism_finalized%20%281%29.pdf).
72. Uniform Crime Report. *Persons Arrested*. URL: <https://ucr.fbi.gov/crime-in-the-u.s/2016/crime-in-the-u.s.-2016/topic-pages/persons-arrested>.
73. American Civil Liberty Union. *The War on Marijuana in Black and White*. URL: <https://www.aclu.org/files/assets/1114413-mj-report-rfs-re11.pdf>.
74. American Civil Liberty Union. Racial Profiling: Definition. URL: <https://www.aclu.org/other/racial-profiling-definition>.
75. The Sentencing Project. *Report to the United Nations on Racial Disparities in the U.S. Criminal Justice System*. URL: <https://www.sentencingproject.org/publications/un-report-on-racial-disparities/>.
76. Xem chú thích 75.
77. Xem chú thích 75.
78. Henry, F. & Tator, C. (2006). *The Colour of Democracy: Racism in Canadian Society*. 3rd Ed. Toronto, ON: Nelson.
79. The Stephen Lawrence Inquiry (Chapter 6). URL: [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/277111/4262.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/277111/4262.pdf).
80. Xem chú thích 9.

© Thời Đại Mới